

**ĐẠI HỌC DUY TÂN  
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026  
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**

**Thời gian: 15h00 \* Ngày thi: 28/03/2026**

**Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28218101523	Nguyễn Văn An	02/01/2004	Gia Lai	31THT19	9.7	6.3	Đạt	
2	28218101769	Nguyễn Tuấn Anh	07/04/2004	Đà Nẵng	31THT19	7.3	6.8	Đạt	
3	28214706020	Lê Công Chiến	10/03/2004	Quảng Trị	31THT19	10.0	7.8	Đạt	
4	27212100962	Mai Quốc Đạt	17/05/2002	Đà Nẵng	31THT19	4.3	6.4	Không Đạt	
5	28214301333	Mông Văn Đạt	01/04/2004	Đắk Lắk	31THT19	8.7	8.5	Đạt	
6	28204351333	Lê Thị Kim Dung	17/02/2004	Huế	31THT19	3.7	5.8	Không Đạt	
7	28214752490	Nguyễn Khoa Đông Dương	03/01/2004	Thừa Thiên H	31THT19	5.7	6.3	Đạt	
8	28208054653	Lê Huỳnh Kim Huệ	13/02/2004	Đà Nẵng	31THT19	9.3	6.5	Đạt	
9	28209350354	Nguyễn Thị Hữu	01/01/2004	Quảng Nam	31THT19	V	V	Không Đạt	
10	28214752546	Văn Đức Huy	31/05/2004	Đà Nẵng	31THT19	6.0	3.8	Không Đạt	
11	28216803689	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/05/2004	Quảng Nam	31THT19	7.0	7.0	Đạt	
12	29204955058	Võ Thị Huyền	16/05/2005	Nghệ An	31THT19	9.7	7.8	Đạt	
13	28212753052	Nguyễn Nhật Khôi	14/12/2004	Kon Tum	31THT19	6.3	5.8	Đạt	
14	28215100966	Nguyễn Thành Long	06/05/2004	Quảng Bình	31THT19	6.7	5.6	Đạt	
15	28218141605	Nguyễn Quang Minh	02/07/2004	Đà Nẵng	31THT19	4.7	3.5	Không Đạt	
16	29214654202	Phan Hoài Phúc	10/03/2005	Đà Nẵng	31THT19	7.3	2.3	Không Đạt	
17	28210202007	Lê Thiện Phương	05/06/2026	Quảng Ngãi	31THT19	8.0	5.0	Đạt	
18	28214602187	Nguyễn Hồng Quân	06/12/2004	Quảng Nam	31THT19	6.0	4.0	Không Đạt	
19	27215249713	Nguyễn Xuân Quang	01/03/2003	Đà Nẵng	31THT19	5.7	8.9	Đạt	
20	28202704004	Nguyễn Như Quỳnh	02/09/2004	Đà Nẵng	31THT19	8.7	6.8	Đạt	
21	28218100203	Nguyễn Bảo Tâm	03/01/2004	Đắk Lắk	31THT19	5.7	4.0	Không Đạt	
22	28218105674	Ngô Việt Thành	31/08/2004	Buôn Ma Thu	31THT19	V	V	Không Đạt	
23	29206746076	Lê Thị Phương Thảo	27/09/2004	Thừa Thiên H	31THT19	8.7	6.5	Đạt	
24	28212746383	Nguyễn Khánh Thiện	11/11/2004	Đà Nẵng	31THT19	8.7	6.8	Đạt	
25	29206255773	Lê Thùy Tiên	18/09/2005	Quảng Trị	31THT19	5.3	6.5	Đạt	
26	29206557578	Lê Thị Bích Trâm	21/05/2005	Đà Nẵng	31THT19	9.7	8.8	Đạt	
27	28214600461	Phạm Xuân Bảo Trí	11/12/2004	Quảng Trị	31THT19	7.7	5.5	Đạt	
28	28213506275	Nguyễn Anh Tú	13/01/2004	Nghệ An	31THT19	V	V	Không Đạt	
29	27212240294	Đỗ Trung Anh Tuấn	28/10/2003	Quảng Trị	31THT19	6.7	6.0	Đạt	
30	28214301853	Đào Anh Tuấn	06/01/2004	Phú Yên	31THT19	6.0	5.5	Đạt	
31	29202757585	Lê Thị Thu Uyên	22/09/2005	Đà Nẵng	31THT19	10.0	7.0	Đạt	
32	28214325485	Võ Hoàng Vũ	10/11/2004	Đà Nẵng	31THT19	10.0	5.5	Đạt	

**Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	27207539095	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	24/06/2003	Quảng Nam	31TSC16	8.0	6.0	Đạt	
34	29217348908	Đặng Văn Mạnh Đạt	21/09/2005	Kon Tum	31TSC16	4.0	5.8	Không Đạt	
35	28204920744	Huỳnh Mai Kiều Diễm	19/12/2004	Đắk Lắk	31TSC16	9.7	8.5	Đạt	
36	28209447522	Hoàng Thị Kỳ Duyên	25/09/2003	Gia Lai	31TSC16	5.7	3.5	Không Đạt	
37	29204556370	Nguyễn Ngọc Phương Duyên	20/08/2005	Đà Nẵng	31TSC16	6.7	5.8	Đạt	
38	28208153521	Y- Gonh	20/12/2003	Gia Lai	31TSC16	5.3	2.0	Không Đạt	
39	28208034537	Huỳnh Thị Thu Hiền	28/04/2004	Gia Lai	31TSC16	8.0	5.5	Đạt	
40	28218206669	Phùng Thị Hoa	22/03/2004	Gia Lai	31TSC16	7.7	3.8	Không Đạt	
41	29217354669	Đặng Đức Hoàng	15/01/2005	Thanh Hóa	31TSC16	9.3	6.3	Đạt	
42	29217330523	Châu Quốc Hưng	07/11/2005	Gia Lai	31TSC16	8.0	6.3	Đạt	
43	28218238730	Nguyễn Phúc Huy	15/07/2004	Đà Nẵng	31TSC16	6.3	5.0	Đạt	
44	29212347934	Ngô Nguyễn Ngọc Luân	18/02/2005	Đắk Lắk	31TSC16	7.0	6.5	Đạt	
45	29217458019	Đặng Quang Minh	07/04/2005	Đắk Lắk	31TSC16	6.0	2.5	Không Đạt	
46	27207503077	Trịnh Thị Ngọc My	17/11/2003	Thừa Thiên H	31TSC16	7.3	7.0	Đạt	
47	29204557059	Bùi Thị Quỳnh Nga	14/04/2005	Đắk Lắk	31TSC16	6.7	5.3	Đạt	
48	29217356573	Huỳnh Văn Nhân	03/11/2005	Quảng Nam	31TSC16	6.0	3.8	Không Đạt	
49	29217429721	Lê Thành Nhân	08/05/2005	Đắk Lắk	31TSC16	7.0	6.5	Đạt	
50	28208038725	Hồ Tuyết Nhi	27/12/2004	Đà Nẵng	31TSC16	9.0	5.9	Đạt	
51	28212703405	Lê Quang Phú	12/01/2004	Quảng Bình	31TSC16	7.7	5.8	Đạt	
52	28218054700	Bùi Hồng Quân	16/02/2004	Đà Nẵng	31TSC16	9.0	8.5	Đạt	
53	29217338874	Dương Công Quân	30/09/2005	Quảng Bình	31TSC16	5.3	3.3	Không Đạt	
54	28204526427	Trương Thị Diễm Quỳnh	20/09/2004	Đà Nẵng	31TSC16	7.3	5.8	Đạt	
55	29204659076	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	08/01/2005	Quảng Nam	31TSC16	8.0	7.0	Đạt	
56	27205449668	Huỳnh Vương Phương Thảo	17/02/2003	Hậu Giang	31TSC16	8.7	6.0	Đạt	
57	29217357988	Bùi Tấn Thịnh	24/07/2005	Đắk Lắk	31TSC16	8.7	6.0	Đạt	
58	29217357406	Nguyễn Công Thức	09/02/2005	Quảng Nam	31TSC16	9.3	7.0	Đạt	
59	27214338576	Lê Minh Toàn	29/07/2003	Quảng Nam	31TSC16	4.3	5.8	Không Đạt	
60	29217350948	Đình Sĩ Tùng	23/09/2025	Đà Nẵng	31TSC16	9.3	8.0	Đạt	
61	29209420777	Trần Thị Thảo Vân	24/07/1999	Hà Tĩnh	31TSC16	9.0	6.5	Đạt	
62	29206754807	Võ Thị Tường Vi	10/04/2005	Đà Nẵng	31TSC16	5.7	5.8	Đạt	
63	29217353749	Phạm Duy Hoàng Việt	25/11/2005	Cao Bằng	31TSC16	7.3	6.0	Đạt	
64	28208052750	Lê Thị Phương Vy	02/01/2002	Đắk Lắk	31TSC16	5.0	3.0	Không Đạt	
65	29204557061	Trần Thị Phương Yên	26/11/2005	Quảng Nam	31TSC16	5.0	8.0	Đạt	
66	28212351822	Phan Đình Nguyên	16/12/2003	Quảng Nam	31CBN10	10.0	8.5	Đạt	
67	28212140391	Trần Ngọc Vỹ	24/10/2004	Quảng Nam	31CBN10	8.7	7.5	Đạt	

**Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204946410	Nguyễn Thị Tâm	Anh	14/05/2004	Hồ Chí Minh	31CHT10	6.3	7.0	Đạt	
69	28206245856	Lê Thị	Nga	19/09/2003	Thanh Hóa	31CHT10	9.7	5.3	Đạt	
70	28204802872	Vũ Thùy	Linh	22/11/2004	Kon Tum	31CYC10	8.7	7.0	Đạt	
71	27211200783	Lê Quốc	Khánh	22/02/2003	Đà Nẵng	31CYC6	5.0	5.6	Đạt	
72	28209437326	Hứa Thị Lệ	Quyên	25/04/2004	Quảng Nam	31SBN8	8.0	5.3	Đạt	
73	28207454304	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhân	04/10/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.0	6.5	Đạt	
74	29208242813	Nguyễn Lê Xuân	Anh	03/08/2004	Đắk Nông	31SHT9	V	V	Không Đạt	
75	29216654109	Nguyễn Tấn	Hậu	20/11/2005	Quảng Nam	31SHT9	7.0	5.0	Đạt	
76	29218239142	Nguyễn Duy	Phương	19/07/2005	Đà Nẵng	31SHT9	6.0	5.0	Đạt	
77	29206242896	Huỳnh Ngọc Bảo	Trâm	17/01/2005	Đà Nẵng	31SSC8	9.0	7.1	Đạt	
78	29208157490	Võ Lâm Như	Quỳnh	06/02/2005	Đắk Lắk	31SYC4	9.3	6.5	Đạt	
79	28204651541	Tô Nguyễn Tường	Vy	23/03/2004	Quảng Nam	31SYC7	7.3	6.8	Đạt	
80	29204627331	Trần Thị Thùy	Trang	11/10/2005	Quảng Ngãi	31SYC8	7.0	6.5	Đạt	
81	28219243189	Nguyễn Văn Uy	Tín	20/05/2004	Đà Nẵng	31TBN16	8.0	5.5	Đạt	
82	28204605591	Bùi Thị Ngọc	Ánh	28/03/2004	Quảng Nam	31TBN17	6.7	8.0	Đạt	
83	28218004763	Vũ Hà Minh	Khoa	27/04/2004	Đà Nẵng	31TBN17	5.7	6.5	Đạt	
84	28218042877	Huỳnh Ngọc	Tuyết	29/07/2004	Đà Nẵng	31THT13	6.3	4.0	Không Đạt	
85	28206521943	Ngô Thị Ngọc	Mỹ	29/06/2004	Huế	31THT16	8.7	6.8	Đạt	
86	29204635394	Bùi Thanh	Ngân	24/10/2005	Đắk Lắk	31TSC13	5.0	V	Không Đạt	
87	28202835280	Trần Thị Thanh	Phương	16/03/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.0	5.5	Đạt	
88	24207108486	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	11/04/2000	Đà Nẵng	31TYC14	5.3	5.3	Đạt	
89	29206558233	Nguyễn Thị Thùy	Trang	01/01/2005	Gia Lai	31TYC15	9.0	9.5	Đạt	
90	27206548703	Bùi Thị Xuân	Hồng	16/11/2002	Quảng Nam	31TYC6	5.0	3.8	Không Đạt	

**TRUNG TÂM TIN HỌC**

*(Đã ký)*

**Dương Trương Quốc Khánh**